

Số: 01 /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu  
về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải  
bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 86/TTr-SGTVT  
ngày 20/12/2023 và đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số 525/BC-STP ngày  
18/12/2023;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (báo cáo);
- Cục kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh, CV;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ**

**Phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải  
trên địa bàn tỉnh**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /01/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 3. Nguyên tắc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải**

1. Thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải được tạo lập, quản lý, khai thác, sử dụng đúng theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hoạt động vận tải và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định.

2. Dữ liệu chia sẻ, cung cấp phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin theo quy định; là dữ liệu được cập nhật mới nhất, có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng, đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được.

3. Việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định phải đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, theo đúng các biểu mẫu và được duy trì thường xuyên.

4. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải phải đảm bảo đúng mục đích, tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành đối với khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

## Chương II

### CHIA SẺ, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

#### **Điều 4. Nội dung chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh theo các nội dung và biểu mẫu cụ thể như sau:

1. Sở Giao thông vận tải chia sẻ, cung cấp danh sách đơn vị được cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; danh sách phương tiện được cấp phù hiệu, biển hiệu (*biểu mẫu theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 gửi kèm*).

2. Công an tỉnh chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về số lượng phương tiện giao thông đường bộ đã cấp đăng ký (*biểu mẫu theo Phụ lục 3 gửi kèm*).

3. Cục Hải Quan chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về sản lượng hàng hóa qua các cảng biển (*biểu mẫu theo Phụ lục 4 gửi kèm*).

4. Cục Thống kê chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về khối lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển bằng đường bộ và đường thủy; khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển bằng đường bộ và đường thủy; sản lượng hàng hóa thông qua các cảng biển (*biểu mẫu theo Phụ lục 5 và Phụ lục 6 gửi kèm*).

5. Cục Thuế chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể lĩnh vực vận tải còn nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh; thông tin về tình trạng hoạt động như thời gian tạm ngừng kinh doanh, thời gian chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải (*biểu mẫu theo Phụ lục 7 gửi kèm*).

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp kinh doanh vận tải giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*biểu mẫu theo Phụ lục 8 gửi kèm*).

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện): Cung cấp thông tin, dữ liệu về hợp tác xã, hộ cá thể kinh doanh vận tải giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cung cấp danh sách phương tiện đang tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn (*biểu mẫu theo Phụ lục 9 và 10 gửi kèm*).

8. Cảng Hàng không Phù Cát chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tổng số chuyến bay đi/đến Bình Định, sản lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển; khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển (*biểu mẫu theo Phụ lục 11 gửi kèm*).

9. Trung tâm kinh doanh vận tải đường sắt và dịch vụ tổng hợp Điều Trì chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tổng số chuyến tàu đi/đến Bình Định, sản lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển; khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển (*biểu mẫu theo Phụ lục 12 gửi kèm*).

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:

- Cung cấp và cập nhật thông tin, dữ liệu về lái xe kinh doanh vận tải (*biểu mẫu theo Phụ lục 13 gửi kèm*);

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe ô tô cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả hoạt động vận chuyển hành khách (*biểu mẫu theo Phụ lục 18 gửi kèm*). Riêng đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch cung cấp thêm thông tin nội dung tối thiểu của hợp đồng vận chuyển trước khi thực hiện vận chuyển hành khách (*biểu mẫu theo Phụ lục 14 gửi kèm*);

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa (*biểu mẫu theo Phụ lục 19 gửi kèm*);

11. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe điện 4 bánh cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả hoạt động thí điểm xe điện 4 bánh (*biểu mẫu theo Phụ lục 15 gửi kèm*).

12. Bến xe cung cấp thông tin, dữ liệu kết quả hoạt động bến xe (*biểu mẫu theo Phụ lục 20 gửi kèm*).

13. Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về phương tiện được đăng kiểm (*biểu mẫu theo Phụ lục 16 và Phụ lục 17 gửi kèm*).

## **Điều 5. Chế độ chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu và thời hạn tiếp nhận các thông tin, dữ liệu theo biểu mẫu quy định**

### **1. Chế độ chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu:**

a) Trước khi thực hiện vận chuyển hành khách: Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng, du lịch cung cấp thông tin nội dung tối thiểu hợp đồng vận chuyển theo biểu mẫu Phụ lục 14 kèm theo Quy chế này.

b) Định kỳ hàng tháng: Các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 4 chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu theo biểu mẫu tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20 kèm theo Quy chế này.

c) Định kỳ hàng năm: Các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 4 chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu theo biểu mẫu tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20 kèm theo Quy chế này.

### **2. Thời hạn tiếp nhận các thông tin, dữ liệu theo biểu mẫu quy định:**

Sở Giao thông vận tải tổ chức tiếp nhận các thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh do cơ quan, tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp như sau:

a) Tiếp nhận thông tin về hợp đồng vận chuyển theo mẫu tại Phụ lục 14 kèm theo Quy chế này trước khi các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng, du lịch thực hiện vận chuyển hành khách.

b) Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, tiếp nhận thông tin, dữ liệu của tháng trước đối với các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20 kèm theo Quy chế này. Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, tiếp nhận thông tin, dữ liệu của tháng trước đối với Phụ lục 5 kèm theo Quy chế này.

c) Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, tiếp nhận thông tin, dữ liệu của năm trước đối với các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20 kèm theo Quy chế này.

## **Điều 6. Hình thức chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải**

1. Việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử gửi về Sở Giao thông vận tải và nhập dữ liệu trực tuyến trên Cổng thông tin của Hệ thống quản lý hoạt động vận tải tỉnh Bình Định (khi Hệ thống đưa vào hoạt động).

2. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ định một cán bộ làm đầu mối để phụ trách quản lý, chia sẻ, cung cấp dữ liệu về Sở Giao thông vận tải; công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, tên và chức vụ của cán bộ đầu mối phụ trách. Cán bộ đầu mối phụ trách có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải để thực hiện công tác kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC CHIA SẺ, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI**

### **Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thu thập, tiếp nhận các thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh do cơ quan, tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp.

2. Bảo đảm việc chia sẻ, cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, tổng hợp, báo cáo tình hình tiếp nhận thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc thực hiện chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu được quy định tại Quy chế này.

5. Xây dựng Hệ thống tiếp nhận thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh (Hệ thống quản lý hoạt động vận tải tỉnh Bình Định); cấp tài khoản điện tử cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến.

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Thực hiện chia sẻ, cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải theo quy định, đúng thời hạn. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc cung cấp dữ liệu trễ hạn, gián đoạn kết nối, chia sẻ dữ liệu phải có văn bản thông báo và thực hiện ngay việc chia sẻ, cung cấp thông tin, kết nối dữ liệu ngay sau khi có điều kiện thực hiện.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc duy trì, kết nối, chia sẻ cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải.

3. Quản lý, sử dụng, bảo mật tài khoản truy cập Hệ thống quản lý hoạt động vận tải tỉnh Bình Định do Sở Giao thông vận tải cung cấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp mật khẩu bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản của mình, phải thông báo kịp thời cho Sở Giao thông vận tải.

4. Không được làm sai lệch, hư hỏng, thất thoát thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải; chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hại thông tin, dữ liệu về hoạt động vận tải.

5. Không được lợi dụng việc chia sẻ, cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với các quy định của pháp luật; cản trở việc khai thác, sử dụng thông tin về hoạt động vận tải theo quy định.

6. Thông báo kịp thời cho Sở Giao thông vận tải về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã chia sẻ, cung cấp.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy chế này.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp tại thời điểm Quy chế này có hiệu lực mà chưa xây dựng hoàn thiện Hệ thống quản lý hoạt động vận tải tỉnh Bình Định thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo và cung cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Khi xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động Hệ thống quản lý hoạt động vận tải tỉnh Bình Định, Sở Giao thông vận tải có thông báo, cấp tài khoản điện tử để thực hiện chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến trên Cổng thông tin của Hệ thống.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Quy chế cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC 1: Mẫu danh sách đơn vị được Sở GTVT cấp  
Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tháng .../năm 20...**

| STT | số GP | Tên đơn vị<br>kinh doanh<br>vận tải | Địa chỉ | Số điện<br>thoại | Loại<br>hình<br>kinh<br>doanh | Ngày<br>cấp | Ngày hết<br>hạn |
|-----|-------|-------------------------------------|---------|------------------|-------------------------------|-------------|-----------------|
| 1   |       |                                     |         |                  |                               |             |                 |
| 2   |       |                                     |         |                  |                               |             |                 |
| ... |       |                                     |         |                  |                               |             |                 |

**PHỤ LỤC 2: Mẫu danh sách phương tiện được Sở GTVT cấp phù hiệu  
tháng .../năm 20...**

| STT | Số phù hiệu | Biển kiểm soát | Ngày cấp | Ngày hết hạn | Loại phù hiệu |
|-----|-------------|----------------|----------|--------------|---------------|
| 1   |             |                |          |              |               |
| 2   |             |                |          |              |               |
| ... |             |                |          |              |               |

**PHỤ LỤC 3: Mẫu số lượng phương tiện giao thông đường bộ được cấp đăng ký trên  
địa bàn tỉnh tháng .../năm 20...**

| STT  | Chỉ tiêu/tháng     | 01 | 02 | 03 | ... | 12 | Cả<br>năm | Lũy kế |
|------|--------------------|----|----|----|-----|----|-----------|--------|
| 1    | Tổng số ô tô con   |    |    |    |     |    |           |        |
| -    | Ô tô điện          |    |    |    |     |    |           |        |
| 2    | Tổng số ô tô tải   |    |    |    |     |    |           |        |
| 3    | Tổng số ô tô khách |    |    |    |     |    |           |        |
| 4    | Tổng số xe máy     |    |    |    |     |    |           |        |
| -    | Xe máy điện        |    |    |    |     |    |           |        |
| 5    | Xe đạp điện        |    |    |    |     |    |           |        |
| Tổng |                    |    |    |    |     |    |           |        |

[illegible]

**PHỤ LỤC 5: Vận tải hành khách và hàng hoá chính thức tháng ....., ước tháng  
..... và .... tháng năm 2024**

| Chỉ tiêu                                      | Chính<br><br>thức<br><br>tháng<br>....<br><br>năm<br><br>..... | Chính<br><br>thức<br><br>tháng<br>...<br><br>năm<br><br>..... | Ước<br><br>tính<br><br>tháng<br>...<br><br>năm<br><br>..... | Tháng<br>chính<br>thức<br><br>năm<br>.....<br><br>so với<br><br>tháng<br>cùng kỳ<br><br>năm<br>trước<br>(%) | Cộng<br>dồn đến<br>tháng<br>chính<br>thức<br><br>năm<br>.....<br><br>so với<br><br>cùng kỳ<br><br>năm<br>trước<br>(%) | Tháng<br>ước tính<br><br>năm<br>.....<br><br>so với<br><br>tháng<br>trước<br>(tháng<br>chính<br>thức)<br><br>năm báo<br>cáo (%) | Tháng<br>ước tính<br><br>năm<br>.....<br><br>so với<br><br>tháng<br>cùng kỳ<br><br>năm<br>trước<br>(%) | Cộng<br>dồn đến<br>tháng<br>BC<br><br>năm<br>.....<br><br>so với<br><br>cùng kỳ<br><br>năm<br>trước<br>(%) |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>                                      | <b>1</b>                                                       | <b>2</b>                                                      | <b>3</b>                                                    | <b>4</b>                                                                                                    | <b>5</b>                                                                                                              | <b>6=2/1*100</b>                                                                                                                | <b>7</b>                                                                                               | <b>8</b>                                                                                                   |
| <b>A. HÀNH KHÁCH</b>                          |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>               |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường bộ                                      |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường sắt                                     |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường thủy                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Hàng không                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)</b>          |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường bộ                                      |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường sắt                                     |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường thủy                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Hàng không                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>B. HÀNG HÓA</b>                            |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>              |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường bộ                                      |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường sắt                                     |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường thủy                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Hàng không                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>         |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường bộ                                      |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường sắt                                     |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Đường thủy                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| Hàng không                                    |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |
| <b>C. HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG - Nghìn TTQ</b> |                                                                |                                                               |                                                             |                                                                                                             |                                                                                                                       |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                            |

**PHỤ LỤC 6: Vận tải hành khách và hàng hoá chính thức năm .....**

| <b>Chỉ tiêu</b>                                          | <b>Chính thức<br/>Năm ....</b> | <b>Chính thức<br/>năm ....<br/>so với cùng kỳ<br/>(%)</b> |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>A</b>                                                 | <b>1</b>                       | <b>2</b>                                                  |
| <b>A. HÀNH KHÁCH</b>                                     |                                |                                                           |
| <b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>                          |                                |                                                           |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                           |                                |                                                           |
| Đường bộ                                                 |                                |                                                           |
| Đường sắt                                                |                                |                                                           |
| Đường thủy                                               |                                |                                                           |
| Hàng không                                               |                                |                                                           |
| <b>II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)</b>                     |                                |                                                           |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                           |                                |                                                           |
| Đường bộ                                                 |                                |                                                           |
| Đường sắt                                                |                                |                                                           |
| Đường thủy                                               |                                |                                                           |
| Hàng không                                               |                                |                                                           |
|                                                          |                                |                                                           |
| <b>B. HÀNG HÓA</b>                                       |                                |                                                           |
| <b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>                         |                                |                                                           |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                           |                                |                                                           |
| Đường bộ                                                 |                                |                                                           |
| Đường sắt                                                |                                |                                                           |
| Đường thủy                                               |                                |                                                           |
| Hàng không                                               |                                |                                                           |
| <b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>                    |                                |                                                           |
| <b>Phân theo ngành vận tải</b>                           |                                |                                                           |
| Đường bộ                                                 |                                |                                                           |
| Đường sắt                                                |                                |                                                           |
| Đường thủy                                               |                                |                                                           |
| Hàng không                                               |                                |                                                           |
|                                                          |                                |                                                           |
| <b>C. HÀNG HÓA<br/>THÔNG QUA CẢNG - <i>Nghìn TTQ</i></b> |                                |                                                           |
|                                                          |                                |                                                           |

**PHỤ LỤC 7: Mẫu danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể lĩnh vực vận tải còn nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh tháng .../năm 20...**

| STT | Mã số thuế | Tên DN, HTX, hộ kinh doanh cá thể lĩnh vực vận tải | Số thuế còn nợ đến ngày .../.../20... (tr.đồng) | Tình trạng hoạt động                   |                                                 | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
|     |            |                                                    |                                                 | Thời gian tạm ngừng kinh doanh vận tải | Thời gian chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải |         |
| 1   |            | Công ty A                                          |                                                 |                                        |                                                 |         |
| 2   |            | HTX B                                              |                                                 |                                        |                                                 |         |
| 3   |            | Hộ kinh doanh cá thể C                             |                                                 |                                        |                                                 |         |
| 4   |            | ...                                                |                                                 |                                        |                                                 |         |

**PHỤ LỤC 8: Mẫu danh sách doanh nghiệp kinh doanh vận tải giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tháng .../năm...**

| STT | Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Tên doanh nghiệp | Địa chỉ | Điện thoại | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|------------------|---------|------------|---------|
| 1   |                                       | Công ty A        |         |            |         |
| 2   |                                       | Doanh nghiệp B   |         |            |         |
| 3   |                                       |                  |         |            |         |
| ... |                                       |                  |         |            |         |

**PHỤ LỤC 9: Mẫu danh sách hợp tác xã, hộ cá thể kinh doanh vận tải giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tháng .../năm...**

| STT | Số Giấy chứng nhận đăng ký | Tên Hợp tác xã, hộ cá thể | Địa chỉ | Số điện thoại | Giải thể kể từ ngày | Ngừng hoạt động kể từ ngày | Bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD ngày | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------------|---------|---------------|---------------------|----------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   |                            | HTX A                     |         |               |                     |                            |                                      |         |
| 2   |                            | Hộ kinh doanh cá thể B    |         |               |                     |                            |                                      |         |
| 3   |                            | ...                       |         |               |                     |                            |                                      |         |

**PHỤ LỤC 10: Mẫu danh sách phương tiện đang tham gia hoạt động kinh doanh vận tải  
trên địa bàn tháng .../năm...**

| STT | Biển số xe | Tên hợp tác xã,<br>hộ kinh doanh<br>cá thể | Địa chỉ | Số điện<br>thoại | Nơi cấp<br>phù hiệu<br>xe | Loại hình<br>kinh doanh<br>vận tải | Ghi<br>chú |
|-----|------------|--------------------------------------------|---------|------------------|---------------------------|------------------------------------|------------|
| 1   |            | HTX A                                      |         |                  |                           |                                    |            |
| 2   |            | Hộ kinh doanh<br>cá thể B                  |         |                  |                           |                                    |            |
| ... |            |                                            |         |                  |                           |                                    |            |

**PHỤ LỤC 11: Mẫu khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển bằng  
đường hàng không trên địa bàn tỉnh tháng .../năm...**

| STT | Loại hình                                             | Khối<br>lượng<br>vận<br>chuyển | So với<br>cùng<br>kỳ<br>tăng,<br>giảm<br>(%) | Khối lượng<br>luân<br>chuyển | So với<br>cùng kỳ<br>tăng,<br>giảm<br>(%) | Lũy kế từ<br>đầu năm<br>đến tháng<br>báo cáo | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|
| 1   | Vận tải hành<br>khách                                 |                                |                                              |                              |                                           |                                              |            |
| 2   | Vận tải hàng<br>hóa                                   |                                |                                              |                              |                                           |                                              |            |
| 3   | Số chuyến bay<br>đi/đến Bình<br>Định tháng<br>.../năm |                                |                                              |                              |                                           |                                              |            |

**PHỤ LỤC 12: Mẫu khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển bằng  
đường sắt trên địa bàn tỉnh tháng .../năm...**

| STT | Loại hình                                             | Khối<br>lượng<br>vận<br>chuyển | So với<br>cùng kỳ<br>tăng,<br>giảm<br>(%) | Khối lượng<br>luân<br>chuyển | So với<br>cùng kỳ<br>tăng,<br>giảm<br>(%) | Lũy kế từ<br>đầu năm<br>đến tháng<br>báo cáo | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|
| 1   | Vận tải hành<br>khách                                 |                                |                                           |                              |                                           |                                              |            |
| 2   | Vận tải hàng<br>hóa                                   |                                |                                           |                              |                                           |                                              |            |
| 3   | Số chuyến tàu<br>đi/đến Bình<br>Định tháng<br>.../năm |                                |                                           |                              |                                           |                                              |            |
| ... |                                                       |                                |                                           |                              |                                           |                                              |            |

**PHỤ LỤC 13: Mẫu thông tin, dữ liệu về lái xe kinh doanh vận tải**

| STT | Họ tên | Ngày<br>tháng<br>năm<br>sinh | Địa<br>chỉ | Số<br>CCCD | Số<br>GPLX | Hạng<br>GPLX | Ngày<br>cấp | Ngày<br>hết<br>hạn | Hiệu<br>lực Giấy<br>khám<br>sức khỏe |
|-----|--------|------------------------------|------------|------------|------------|--------------|-------------|--------------------|--------------------------------------|
| 1   |        |                              |            |            |            |              |             |                    |                                      |
| 2   |        |                              |            |            |            |              |             |                    |                                      |
| 3   |        |                              |            |            |            |              |             |                    |                                      |
| ... |        |                              |            |            |            |              |             |                    |                                      |

**PHỤ LỤC 14: Mẫu thông báo nội dung hợp đồng vận chuyển**

Đơn vị kinh doanh:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN**

Kính gửi: Sở GTVT Bình Định

**I. Thông tin về đơn vị kinh doanh vận tải ký hợp đồng:**

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax):..... Mã số thuế: .....
4. Người đại diện ký hợp đồng: .....

**II. Thông tin về lái xe:**

1. Họ và tên: .....
2. Số điện thoại: .....

**III. Thông tin về người thuê vận tải:**

1. Tên đơn vị (cá nhân): .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... Mã số thuế (nếu có): .....

**IV. Thông tin về phương tiện vận chuyển:**

1. Biể kiểm soát xe:.....
2. Sức chứa: .....

**V. Thông tin về thực hiện hợp đồng:**

1. Thời gian bắt đầu thực hiện và kết thúc hợp đồng (ghi rõ giờ, ngày tháng năm):  
.....  
.....
2. Địa chỉ điểm đầu, điểm cuối và các điểm đón, trả khách: .....
3. Hành trình: .....
4. Cự ly của hành trình vận chuyển (km): .....
5. Các nội dung khác: .....

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 16: Mẫu báo cáo phương tiện cơ giới đường bộ được đăng kiểm trên địa bàn tỉnh tháng ... /năm 20...**

[illegible]

**PHỤ LỤC 17: Mẫu báo cáo kết quả kiểm định phương tiện hàng tháng  
tháng ... /năm 20...**

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b> | <b>Tổng số lượt phương tiện kiểm định</b> | <b>Tổng số lượt đạt tiêu chuẩn</b> | <b>Tổng số lượt không đạt tiêu chuẩn</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------|----------------|
| 1          |                   |                                           |                                    |                                          |                |
| 2          |                   |                                           |                                    |                                          |                |
| 3          |                   |                                           |                                    |                                          |                |
| ...        |                   |                                           |                                    |                                          |                |

**PHỤ LỤC 18: Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển hành khách**

Tên Đơn vị kinh doanh vận tải: ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: ...../ .....** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH**

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải .....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số ..... của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, ..... (tên đơn vị vận tải) ..... báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng ..... năm ..... như sau:

**1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định:**

| TT | Chỉ tiêu                    | Đơn vị | Kết quả |
|----|-----------------------------|--------|---------|
| 1  | Số tuyến tham gia khai thác | tuyến  |         |
|    | - Tuyến nội tỉnh            | -nt-   |         |
|    | - Tuyến liên tỉnh           | -nt-   |         |
| 2  | Số lượng phương tiện        | xe     |         |
|    | - Tuyến nội tỉnh            | -nt-   |         |
|    | - Tuyến liên tỉnh           | -nt-   |         |
| 3  | Tổng số chuyến xe thực hiện | chuyến |         |
|    | - Tuyến nội tỉnh            | chuyến |         |
|    | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch    | %      |         |
|    | - Tuyến liên tỉnh           | chuyến |         |
|    | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch    | %      |         |

**2. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt:**

| TT | Chỉ tiêu                    | Đơn vị | Kết quả |
|----|-----------------------------|--------|---------|
| 1  | Số tuyến tham gia khai thác | tuyến  |         |
|    | - Số tuyến có trợ giá       | -nt-   |         |
| 2  | Số lượng phương tiện        | xe     |         |
| 3  | Tổng số chuyến xe thực hiện | chuyến |         |

|   |                            |            |  |
|---|----------------------------|------------|--|
| 4 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch   | %          |  |
| 5 | Sản lượng khách vận chuyển | lượt khách |  |
| 6 | Trợ giá (nếu có)           | 1000đ      |  |

3. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe taxi:

| TT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị     | Kết quả |
|----|----------------------------|------------|---------|
| 1  | Số lượng phương tiện       | xe         |         |
| 2  | Lượt xe thực hiện          | lượt       |         |
| 3  | Sản lượng khách vận chuyển | lượt khách |         |

4. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo hợp đồng:

| TT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị     | Kết quả |
|----|----------------------------|------------|---------|
| 1  | Số lượng phương tiện       | xe         |         |
|    | - Sức chứa dưới 9 chỗ      | -nt-       |         |
|    | - Sức chứa từ 9 - 25 chỗ   | -nt-       |         |
|    | - Sức chứa từ trên 25 chỗ  | -nt-       |         |
| 2  | Số chuyến xe thực hiện     | chuyến     |         |
| 3  | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |         |

5. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe du lịch:

| TT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị     | Kết quả |
|----|----------------------------|------------|---------|
| 1  | Số lượng phương tiện       | xe         |         |
| 2  | Số chuyến xe thực hiện     | chuyến     |         |
| 3  | Sản lượng khách vận chuyển | lượt khách |         |

6. Kết quả thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông.

7. Thuận lợi, khó khăn: .....

8. Đề xuất, kiến nghị: .....

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 19: Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa**

Tên đơn vị kinh doanh  
Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số ..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, ..... (tên đơn vị vận tải)....báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng năm như sau:

**1. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa**

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                | <b>Đơn vị</b> | <b>Số lượng</b> |
|-----------|--------------------------------|---------------|-----------------|
| 1         | Số lượng phương tiện           | xe            |                 |
|           | - Xe công-ten-nơ               | -nt-          |                 |
|           | - Xe đầu kéo                   | -nt-          |                 |
|           | - Xe taxi tải                  | -nt-          |                 |
|           | - Xe tải khác                  | -nt-          |                 |
| 2         | Sản lượng hàng hóa vận chuyển  | tấn           |                 |
|           | - Xe công-ten-nơ               | -nt-          |                 |
|           | - Xe đầu kéo                   | -nt-          |                 |
|           | - Xe taxi tải                  | -nt-          |                 |
|           | - Xe tải khác                  | -nt-          |                 |
| 3         | Sản lượng luân chuyển hàng hóa | tấn.km        |                 |
|           | - Xe công-ten-nơ               | -nt-          |                 |
|           | - Xe đầu kéo                   | -nt-          |                 |
|           | - Xe taxi tải                  | -nt-          |                 |
|           | - Xe tải khác                  | -nt-          |                 |

**2. Kết quả thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông.**

3. Thuận lợi, khó khăn: .....

4. Đề xuất, kiến nghị: .....

**Đại diện đơn vị kinh doanh**  
Ký tên, đóng dấu

**PHỤ LỤC 20: Mẫu báo cáo kết quả hoạt động của bến xe**

Tên đơn vị Bến xe .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: ...../.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BẾN XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số ..... của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, ..... (tên đơn vị bến xe)....báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng ..... năm ..... như sau:

**1. Kết quả hoạt động của bến xe khách**

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                          | <b>Đơn vị</b> | <b>Kết quả</b> |
|-----------|------------------------------------------|---------------|----------------|
| 1         | Tổng số đơn vị đăng ký khai thác tại bến | Đơn vị        |                |
| 2         | Tổng số tuyến xe xuất phát tại bến       | Tuyến         |                |
|           | - Tuyến nội tỉnh                         | -nt-          |                |
|           | - Tuyến liên tỉnh                        | -nt-          |                |
|           | - Tuyến xe buýt                          | Tuyến         |                |
| 3         | Số lượng phương tiện                     | xe            |                |
|           | - Tuyến nội tỉnh                         | -nt-          |                |
|           | - Tuyến liên tỉnh                        | -nt-          |                |
|           | - Tuyến xe buýt                          | -nt-          |                |
| 4         | Tổng số chuyến xe thực hiện              | chuyến        |                |
|           | - Tuyến nội tỉnh                         | chuyến        |                |
|           | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch                 | %             |                |
|           | - Tuyến liên tỉnh                        | chuyến        |                |
|           | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch                 | %             |                |
| 5         | Tổng số chuyến xe buýt                   | Chuyến        |                |
| 6         | Tổng số chuyến xe không thực hiện        | Chuyến        |                |
|           | - Tuyến nội tỉnh                         | -nt-          |                |

|   |                                                           |      |  |
|---|-----------------------------------------------------------|------|--|
|   | - Tuyển liên tỉnh                                         | -nt- |  |
| 7 | Tổng hành khách vận chuyển thông qua bến                  | HK   |  |
| 8 | Công suất bến xe (công suất thực tế/công suất đã công bố) |      |  |

2. Kết quả hoạt động của bến xe hàng

| TT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị   | Kết quả |
|----|--------------------------------------------|----------|---------|
| 1  | Tổng số đơn vị đăng ký hoạt động tại bến   | Đơn vị   |         |
| 2  | Tổng số lượt phương tiện ra, vào bến       | Lượt xe  |         |
| 3  | Tổng khối lượng hàng hoá thông qua tại bến | 1000 tấn |         |

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông.

4. Thuận lợi, khó khăn: .....

5. Đề xuất, kiến nghị: .....

**Đại diện đơn vị bến xe**  
(Ký tên, đóng dấu)